

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị định số 95/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 09/2022/NĐ-CP)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định số 95/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 09/2022/NĐ-CP). Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến chính sách/dự thảo

Thứ nhất, về bối cảnh trong nước, yêu cầu đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong tình hình mới đặt ra nhiệm vụ hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước gắn với nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế; bảo đảm Việt Nam là đối tác tích cực, có trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc cam kết để củng cố uy tín và vị thế quốc gia. Đồng thời, yêu cầu đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong kỷ nguyên mới nhấn mạnh việc hoàn thiện cơ chế và nâng cao năng lực bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý quốc tế, xử lý tốt các vấn đề pháp lý quốc tế phát sinh, nhất là tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Các định hướng này tạo nền tảng chính trị, pháp lý trực tiếp cho việc rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về đấu thầu theo các Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA.

Thứ hai, về bối cảnh quốc tế và nghĩa vụ cam kết, CPTPP, EVFTA và UKVFTA đều có Chương riêng về mua sắm công, quy định nghĩa vụ mở cửa thị trường, đối xử bình đẳng giữa nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ của các nước thành viên và một số yêu cầu về thủ tục lựa chọn nhà thầu. Nghĩa vụ mở cửa chỉ phát sinh khi đồng thời đáp ứng đầy đủ các tiêu chí: ngưỡng giá trị gói thầu, danh mục cơ quan mua sắm, danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi cam kết và các trường hợp loại trừ. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, cơ quan mua sắm phải cho phép nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ từ các nước thành viên tham dự thầu theo nguyên tắc bình đẳng.

Thứ ba, các Hiệp định đồng thời cho phép Việt Nam áp dụng một số biện pháp ưu đãi trong nước theo lộ trình cam kết, bao gồm quyền yêu cầu hàng hóa xuất xứ trong nước, yêu cầu liên danh/nhà thầu phụ trong nước, chuyển giao công

nghệ, hỗ trợ nghiên cứu phát triển và các biện pháp ưu đãi khác khi trúng thầu tại Việt Nam; tổng giá trị ưu đãi trong nước hằng năm có thể chiếm tới 40% tổng giá hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh và có lộ trình kéo dài đến năm 2044. Bên cạnh đó, các Hiệp định cho phép mỗi nước thành viên áp dụng trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo pháp luật trong nước với điều kiện không trái với các nguyên tắc và nghĩa vụ đã cam kết. Đây là cơ sở quan trọng để Việt Nam thiết kế quy định theo hướng hài hòa giữa yêu cầu tuân thủ cam kết quốc tế và yêu cầu đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật trong nước, đồng thời giữ được tính linh hoạt cần thiết cho chủ đầu tư trong giới hạn cho phép của Hiệp định.

Thứ tư, trong bối cảnh địa chính trị và kinh tế quốc tế hiện nay diễn biến phức tạp, khó lường, các rủi ro liên quan chuỗi cung ứng, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng hàng hóa, dịch vụ, năng lực bảo hành, bảo trì, tính liên tục của dịch vụ công có xu hướng gia tăng, đòi hỏi khuôn khổ pháp lý về mua sắm công không chỉ bảo đảm tuân thủ cam kết mà còn phải đủ rõ ràng, ổn định và linh hoạt để cơ quan mua sắm giảm thiểu rủi ro, lựa chọn nhà thầu hiệu quả và kiểm soát chất lượng. Trong điều kiện đó, bất kỳ quy định nào chưa đồng bộ, thiếu rõ ràng đều có thể dẫn tới xu hướng áp dụng thận trọng quá mức, kéo dài tiến độ, phát sinh chi phí tuân thủ và giảm hiệu quả kinh tế của hoạt động mua sắm công.

Thứ năm, về bối cảnh pháp lý trong nước, Nghị định số 95/2020/NĐ-CP được xây dựng trên cơ sở Luật Đấu thầu năm 2013 và các văn bản hướng dẫn trước đây. Kể từ khi ban hành Nghị định, hệ thống pháp luật về đấu thầu đã liên tục được sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh phân cấp, tăng cường cơ chế tự chủ trong hoạt động đấu thầu, dẫn đến phát sinh thiếu đồng bộ với pháp luật hiện hành về quy trình lựa chọn nhà thầu, thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kỹ thuật áp dụng, gây lúng túng cho chủ đầu tư trong tổ chức thực hiện.

Thứ sáu, về bối cảnh tổ chức bộ máy, việc thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước, triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị trong thời gian qua và dự kiến tiếp tục trong thời gian tới đã làm thay đổi tên gọi và cơ cấu tổ chức, không còn hoàn toàn tương thích với danh mục cơ quan mua sắm đã cam kết tại các Hiệp định. Đây là vấn đề có tác động trực tiếp đến việc xác định phạm vi áp dụng Hiệp định đối với gói thầu, ảnh hưởng tới công tác lựa chọn nhà thầu của cơ quan, đơn vị liên quan và hiệu quả thực thi cam kết quốc tế nói chung, đồng thời đặt ra yêu cầu phải có cơ chế xử lý tình huống và cơ chế cập nhật danh mục phù hợp.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Việc tổng kết được thực hiện trên cơ sở rà soát Nghị định số 95/2020/NĐ-CP và Nghị định số 09/2022/NĐ-CP; đối chiếu với các nguyên tắc, nghĩa vụ và phạm vi cam kết mua sắm công theo các Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA; tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn tổ chức lựa chọn nhà thầu, tập trung vào các nhóm vấn đề trọng tâm, gồm: (i) thiếu đồng bộ của quy định so với pháp luật đấu thầu hiện hành; (ii) cơ chế đấu thầu nội khối và điều kiện chuyển sang đấu thầu quốc tế gắn với yêu cầu “hiệu quả cao hơn”; (iii) yêu cầu về xuất xứ hàng hóa và tính linh hoạt nguồn cung; (iv) cập nhật danh mục cơ quan mua sắm trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy; đồng thời rà soát định hướng xây dựng văn bản theo nguyên tắc tập trung vào nội dung đặc thù theo Hiệp định và dẫn chiếu áp dụng pháp luật đấu thầu trong nước đối với nội dung tương đồng nhằm bảo đảm tính nhất quán, tránh chồng chéo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Việc ban hành Nghị định số 95/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 09/2022/NĐ-CP) đã tạo cơ sở pháp lý để hướng dẫn thực hiện đấu thầu theo các Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA theo nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ. Trên cơ sở đó, các cơ quan mua sắm có căn cứ để xác định gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh và triển khai lựa chọn nhà thầu theo yêu cầu cam kết.

Nghị định số 95/2020/NĐ-CP đã quy định cụ thể các tiêu chí xác định gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của các Hiệp định và các nguyên tắc, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu; đồng thời liệt kê danh mục cơ quan mua sắm, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi cam kết. Cách thức thiết kế này tạo thuận lợi ban đầu cho việc xác định phạm vi áp dụng và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc cam kết.

Trong quá trình triển khai, các cơ quan, đơn vị đã từng bước tiếp cận và vận dụng các yêu cầu về mở cửa thị trường, đối xử bình đẳng và minh bạch theo Hiệp định đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh. Tuy nhiên, pháp luật đấu thầu trong nước thay đổi nhanh so với Nghị định số 95/2020/NĐ-CP đã dẫn tới một số điểm chưa thống nhất về quy trình, thẩm quyền và kỹ thuật áp dụng, đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh cách tiếp cận xây dựng văn bản theo hướng tinh gọn, rõ ràng và dễ áp dụng hơn.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

Về ưu điểm, Nghị định số 95/2020/NĐ-CP đã góp phần nội luật hóa và hướng dẫn thực thi các nghĩa vụ cam kết mua sắm công theo CPTPP, EVFTA, UKVFTA, đặc biệt là làm rõ các tiêu chí xác định nghĩa vụ mở cửa và yêu cầu đối xử bình đẳng đối với nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ của các nước thành viên khi gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh. Nghị định cũng quy định cơ chế áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước theo lộ trình cam kết, qua đó góp phần hài hòa giữa hội nhập và bảo vệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của nhà thầu Việt Nam trong khuôn khổ các Hiệp định.

Về bất cập, hạn chế, tổng kết quá trình thực thi cho thấy có một số vấn đề chính như sau:

- Nghị định số 95/2020/NĐ-CP được xây dựng trên cơ sở Luật Đấu thầu 2013 và các văn bản hướng dẫn trước đây, trong khi hệ thống pháp luật về đấu thầu đã liên tục được sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh phân cấp, tăng cường cơ chế tự chủ. Do đó, Nghị định phát sinh thiếu đồng bộ với pháp luật hiện hành về quy trình lựa chọn nhà thầu, thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và một số nội dung kỹ thuật, gây lúng túng cho chủ đầu tư trong tổ chức thực hiện và làm tăng chi phí tuân thủ.

- Nghị định số 95/2020/NĐ-CP quy định cơ quan mua sắm tổ chức đấu thầu nội khối, trừ trường hợp người có thẩm quyền xét thấy cần tổ chức đấu thầu quốc tế để mang lại “hiệu quả cao hơn” cho dự án, gói thầu. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai, một số đơn vị có xu hướng hiểu và áp dụng theo hướng đấu thầu nội khối là bước thực hiện trước khi tổ chức đấu thầu quốc tế, dẫn đến trong một số trường hợp chỉ sau khi không thu hút được nhà thầu tham dự đấu thầu nội khối mới chuyển sang đấu thầu quốc tế, kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu và phát sinh thêm chi phí tuân thủ. Đồng thời, chủ đầu tư gặp khó khăn khi muốn tổ chức đấu thầu quốc tế ngay từ đầu do lo ngại phải giải trình việc đáp ứng yêu cầu “hiệu quả cao hơn” trong khi chưa có tiêu chí cụ thể. Bên cạnh đó, việc giới hạn xuất xứ hàng hóa trong phạm vi các nước thành viên Hiệp định cũng có thể làm hạn chế khả năng tiếp cận các hàng hóa chất lượng cao có xuất xứ từ các quốc gia ngoài phạm vi các Hiệp định.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị đã làm thay đổi tên gọi và cơ cấu tổ chức, không còn hoàn toàn tương thích với danh mục cơ quan mua sắm đã cam kết tại các Hiệp định. Nếu không có cơ chế xử lý tình huống rõ ràng, việc xác định phạm vi gói thầu thuộc cam kết có thể phát sinh khó khăn, rủi ro áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan mua sắm, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi cam kết quốc tế.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Thực tiễn cho thấy khó khăn chủ yếu trong thực thi Nghị định số 95/2020/NĐ-CP là việc đồng thời bảo đảm yêu cầu tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, nghĩa vụ theo Hiệp định và bảo đảm tính đồng bộ, khả thi theo pháp luật trong nước trong bối cảnh pháp luật đấu thầu liên tục được sửa đổi, bổ sung. Khi tồn tại các quy định thiếu đồng bộ, cơ quan mua sắm có xu hướng lựa chọn cách hiểu thận trọng nhằm giảm rủi ro pháp lý, dẫn tới tăng thời gian thực hiện và chi phí tuân thủ.

Đối với cơ chế đấu thầu nội khối và đấu thầu quốc tế, nguyên nhân chủ yếu là điều kiện áp dụng đấu thầu quốc tế gắn với yêu cầu “hiệu quả cao hơn”. Điều này dẫn tới việc một số chủ đầu tư có cách hiểu phải áp dụng nội khối trước khi quốc tế. Bên cạnh đó, yêu cầu xuất xứ hàng hóa trong phạm vi Hiệp định có thể làm giảm lựa chọn của chủ đầu tư trong một số trường hợp.

Đối với danh mục cơ quan mua sắm, nguyên nhân đến từ biến động tổ chức bộ máy và việc Việt Nam đàm phán theo hướng không mở cửa toàn bộ các đơn vị thuộc mỗi Bộ mà chỉ mở cửa một số cơ quan, đơn vị cụ thể, nên danh mục cần liệt kê chi tiết và vì vậy nhạy cảm hơn với thay đổi tên gọi, cơ cấu.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Trong bối cảnh đổi mới mạnh mẽ hệ thống pháp luật đấu thầu và yêu cầu nâng cao năng lực thực thi cam kết quốc tế, yêu cầu đặt ra là phải điều chỉnh cách tiếp cận xây dựng văn bản theo hướng tinh gọn, tập trung, chỉ hướng dẫn thực hiện các quy định của Hiệp định có khác biệt so với pháp luật trong nước; đối với nội dung Hiệp định không quy định hoặc quy định tương đồng thì dẫn chiếu áp dụng pháp luật đấu thầu trong nước để bảo đảm tính nhất quán và tránh chồng chéo. Đây là định hướng trọng tâm trong việc xây dựng Nghị định thay thế.

Ngoài ra, việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước dự kiến tiếp tục làm phát sinh tình huống thay đổi tên gọi, sáp nhập, chia tách hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ; do đó cần có cơ chế xử lý tình huống và cơ chế cập nhật danh mục cơ quan mua sắm để hạn chế việc thường xuyên sửa đổi danh mục, đồng thời bảo đảm việc xác định phạm vi gói thầu thuộc cam kết được liên tục, thống nhất trong quá trình áp dụng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Thứ nhất, kiến nghị quán triệt quan điểm xây dựng Nghị định theo hướng tuân thủ đầy đủ các quy định bắt buộc của các Hiệp định; đồng thời chỉ quy định cụ thể các nội dung đặc thù theo Hiệp định và dẫn chiếu áp dụng pháp luật đấu thầu trong nước đối với những nội dung mà các Hiệp định không quy định cụ thể

hoặc pháp luật trong nước đã có quy định tương thích, nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo và tăng tính khả thi.

Thứ hai, kiến nghị xử lý nhóm vướng mắc về đấu thầu nội khối, yêu cầu xuất xứ hàng hóa theo hướng làm rõ cách hiểu, dễ áp dụng, tăng tính linh hoạt cho chủ đầu tư trong khuôn khổ cam kết. Trên tinh thần đó, cần định hình rõ cơ chế để chủ đầu tư có thể lựa chọn phương án tổ chức phù hợp ngay từ đầu và đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa nguồn cung trong trường hợp cần thiết.

Thứ ba, kiến nghị cập nhật danh mục cơ quan mua sắm phù hợp tổ chức bộ máy hiện hành, bảo đảm bám sát phạm vi cam kết tại các Hiệp định, đồng thời quy định cơ chế xử lý tình huống khi phát sinh thay đổi về tổ chức, sáp nhập, chia tách hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ trong tương lai để hạn chế phải sửa đổi thường xuyên nhưng vẫn bảo đảm tính liên tục, thống nhất trong xác định phạm vi áp dụng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC-BTC;
- Lưu: VT, QLĐT (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

Phụ lục

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Cụ thể hóa phạm vi áp dụng bằng 04 tiêu chí định lượng và định tính rõ ràng (ngưỡng giá, cơ quan mua sắm, danh mục hàng hóa/dịch vụ, trường hợp loại trừ). Làm rõ cách xác định gói thầu hỗn hợp có thuộc phạm vi điều chỉnh hay không và lược bỏ các nội dung đã lồng ghép vào phụ lục để tránh trùng lặp.</p>	<p>Nghị quyết số 06-NQ/TW: Yêu cầu “Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện luật pháp trực tiếp liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế... nội luật hóa theo lộ trình phù hợp những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”.</p> <p>Nghị quyết số 27-NQ/TW: Nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật về “đổi ngoại và hội nhập quốc tế”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc quy định chi tiết 04 tiêu chí giúp chủ đầu tư xác định chính xác trách nhiệm thực thi các cam kết mua sắm công tại các FTA thế hệ mới, bảo đảm tính pháp lý nhất quán.</p>	
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng: Kế thừa toàn bộ quy định tại Nghị định số 95/2020/NĐ-CP về các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi cam kết.</p>	<p>Nghị quyết số 59-NQ/TW: Yêu cầu “thực hiện nghiêm túc cam kết quốc tế để củng cố hình ảnh một đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc giữ nguyên đối tượng áp dụng bảo đảm tính ổn định, kế thừa của chính sách và sự tin cậy đối với các nhà thầu trong nội khối FTA.</p>	
<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ: Sửa đổi cách thể hiện phạm vi Nước thành</p>	<p>Nghị quyết số 66-NQ/TW: Yêu cầu xây dựng pháp luật theo hướng “đơn</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Quy định đã loại bỏ sự chồng chéo</p>	

<p>viên theo từng hiệp định để bao gồm đầy đủ các bên. Bổ sung định nghĩa "Đấu thầu nội khối", "Đấu thầu quốc tế" để rõ phương thức thực hiện đặc thù. Bãi bỏ định nghĩa "Tùy chọn mua thêm" do đã được quy định đồng bộ tại Luật Đấu thầu 2023.</p>	<p>giản, dễ thực hiện", "không chồng chéo, mâu thuẫn" và "tận dụng hiệu quả, linh hoạt các lợi thế từ cam kết của các điều ước quốc tế".</p>	<p>với Luật Đấu thầu trong nước, đồng thời làm rõ các thuật ngữ kỹ thuật đặc thù trong hội nhập quốc tế.</p>	
<p>Điều 4. Đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế: Sửa đổi quy định để làm rõ quyền của chủ đầu tư được chủ động lựa chọn hình thức đấu thầu ngay từ đầu, tránh cách hiểu bắt buộc phải đấu thầu nội khối trước. Tạo tính linh hoạt cho chủ đầu tư được mở rộng yêu cầu về xuất xứ hàng hóa và địa điểm trụ sở hãng sản xuất ra ngoài các nước thành viên để nâng cao tính cạnh tranh.</p>	<p>Nghị quyết số 66-NQ/TW: Yêu cầu "Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới... khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển".</p>	<p>Phù hợp. Quy định này đã tháo gỡ "điểm nghẽn" về thủ tục tại Nghị định 95 cũ, tăng quyền tự chủ cho cơ quan mua sắm và tận dụng tối đa lợi ích cạnh tranh từ thị trường quốc tế.</p>	
<p>Điều 5. Nguyên tắc chung: Khẳng định nghĩa vụ đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử giữa hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của các Nước thành viên với trong nước. Sửa đổi nội dung dẫn chiếu các quy định áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước cho phù hợp với bộ cục dự thảo mới.</p>	<p>Nghị quyết số 27-NQ/TW: Yêu cầu "bảo đảm quản trị quốc gia bằng Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế".</p> <p>Nghị quyết số 06-NQ/TW: Thực thi các cam kết quốc tế và giữ vững ổn định chính trị.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Quy định phản ánh đúng nguyên tắc cốt lõi của các FTA thế hệ mới, bảo đảm môi trường kinh doanh công bằng và minh bạch cho mọi đối tượng.</p>	
<p>Điều 6. Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Kế thừa các điều kiện về tư cách pháp nhân, hạch toán tài chính. Bãi bỏ</p>	<p>Nghị quyết số 66-NQ/TW: Yêu cầu "triệt để cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện đầu tư, kinh doanh... đơn giản,</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc dẫn chiếu pháp luật trong nước đối với những nội dung không</p>	

<p>các nội dung đã có tại Luật Đấu thầu hiện hành và thực hiện dẫn chiếu trực tiếp đến Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính đồng bộ.</p>	<p>dễ thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm”.</p>	<p>đặc thù giúp hệ thống quy phạm tinh gọn, giảm bớt thủ tục rườm rà cho doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 7. Thông tin về đấu thầu và trách nhiệm đăng tải: Sửa đổi theo hướng tập trung quy định các nội dung bắt buộc theo Hiệp định (như thông báo tóm tắt bằng tiếng Anh). Các thông tin khác và quy trình đăng tải dẫn chiếu áp dụng Luật Đấu thầu và hướng dẫn của Bộ Tài chính để thống nhất vận hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>	<p>Nghị quyết số 27-NQ/TW: Yêu cầu hệ thống pháp luật “công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận”.</p> <p>Kết luận số 210-KL/TW: Yêu cầu “đẩy mạnh chuyển đổi số... bảo đảm vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin”.</p>	<p>Phù hợp. Quy định đã cụ thể hóa chủ trương đẩy mạnh công khai, minh bạch và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước, đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn minh bạch quốc tế.</p>	
<p>Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu: Kế thừa quy định cũ; bổ sung làm rõ quyền lựa chọn của nhà thầu được sử dụng tiếng Việt hoặc tiếng Anh khi hồ sơ mời thầu sử dụng song ngữ để bảo đảm quyền lợi tối đa cho người tham dự.</p>	<p>Nghị quyết số 27-NQ/TW: Chủ trương “tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam” và “đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Quy định tạo thuận lợi tối đa cho nhà thầu quốc tế tham gia vào thị trường Việt Nam, thể hiện tinh thần cầu thị và hội nhập sâu rộng của Đảng.</p>	
<p>Điều 9. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Sửa đổi theo hướng chỉ quy định chi tiết các mốc thời gian tối thiểu đã cam kết theo các Hiệp định (như chuẩn bị hồ sơ 25-30 ngày). Các nội dung khác dẫn chiếu tới Luật Đấu thầu</p>	<p>Nghị quyết số 66-NQ/TW: Yêu cầu đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật bảo đảm pháp luật được thực hiện “kịp thời, hiệu lực và hiệu quả”; “triệt để cắt giảm, đơn</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc tinh giản quy định về thời gian, chỉ giữ lại các mốc đặc thù theo cam kết quốc tế giúp đẩy nhanh</p>	

và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất,,.	giản hoá... thủ tục hành chính bất hợp lý”.	tiến độ thực hiện dự án theo tinh thần cải cách hành chính.	
Điều 10. Biện pháp ưu đãi trong nước và lộ trình áp dụng: Gộp Điều 15 và 16 cũ; bổ sung biện pháp ưu đãi đối với nhà thầu chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình; trao quyền cho cơ quan mua sắm xác định lộ trình áp dụng phù hợp cam kết,,.	Nghị quyết số 57-NQ/TW: Xác định đổi mới sáng tạo là “đột phá quan trọng hàng đầu”; chủ trương “Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra”.	Phù hợp. Quy định đã trực tiếp cụ thể hóa cơ chế hỗ trợ các sản phẩm trí tuệ Việt Nam tham gia thị trường mua sắm công, tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp nội địa.	
Điều 11. Ưu đãi đối với hàng hóa, nhà thầu nội khối khi đấu thầu quốc tế: Kế thừa quy định cũ về đối tượng và nguyên tắc tính ưu đãi đối với nhà thầu nội khối (chi phí sản xuất tại các Nước thành viên chiếm từ 50% trở lên),,.	Nghị quyết số 27-NQ/TW: Yêu cầu “thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia”.	Đã thể chế hóa đầy đủ. Đảm bảo Việt Nam thực hiện đúng nghĩa vụ đối xử công bằng giữa các nước thành viên trong khối FTA theo cam kết quốc tế.	
Điều 12. Đấu thầu rộng rãi: Kế thừa Nghị định 95/2020/NĐ-CP; khẳng định đây là hình thức lựa chọn nhà thầu chủ yếu, không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự thầu,,.	Nghị quyết số 66-NQ/TW: Đề cao hệ thống pháp luật “công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận” và thực hiện nhất quán quan điểm “lấy doanh nghiệp làm trung tâm”.	Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc duy trì hình thức đấu thầu rộng rãi là phương thức tốt nhất để bảo đảm tính cạnh tranh, minh bạch theo tiêu chuẩn quốc tế.	
Điều 13. Chỉ định thầu: Kế thừa các trường hợp cũ; bổ sung trường hợp đặt hàng và quy định cụ thể một số trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch bệnh, gói thầu thực hiện gấp) phù hợp với pháp luật trong nước,,.	Nghị quyết số 27-NQ/TW: Yêu cầu “hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật”.	Đã thể chế hóa đầy đủ. Quy định đã xử lý hài hòa sự khác biệt giữa phạm vi chỉ định thầu của các Hiệp định và tính cấp bách trong thực tiễn thi hành pháp luật trong nước.	

<p>Điều 14, 15. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Tập trung vào nguyên tắc chung; dẫn chiếu hầu hết các nội dung sang Luật Đấu thầu. Chỉ giữ lại quy định đặc thù về việc xác định giá gói thầu để làm căn cứ so sánh với ngưỡng giá cam kết FTA,,.</p>	<p>Nghị quyết số 66-NQ/TW: Yêu cầu “rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập... bảo đảm tính hệ thống” và hoàn thiện pháp luật về “đầu tư, kinh doanh”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc dẫn chiếu pháp luật trong nước giúp bảo đảm tính đồng bộ, tránh mâu thuẫn giữa các quy định về lập và phê duyệt kế hoạch.</p>	
<p>Điều 16. Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi: Dẫn chiếu áp dụng Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; chỉ quy định riêng nội dung về ưu đãi sản phẩm đổi mới sáng tạo tham dự thầu,,.</p>	<p>Nghị quyết số 57-NQ/TW: Yêu cầu “thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả... về đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số quốc gia”; “thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Vừa đơn giản hóa hệ thống quy phạm thông qua dẫn chiếu, vừa tạo hành lang pháp lý ưu tiên cho các thực thể sáng tạo tham gia đấu thầu.</p>	
<p>Điều 17. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu: Dẫn chiếu nội dung sang pháp luật trong nước; quy định cấm đưa vào các tiêu chí hạn chế sự tham gia (như yêu cầu kinh nghiệm tại một quốc gia cụ thể),,.</p>	<p>Nghị quyết số 27-NQ/TW: Nhiệm vụ bảo đảm tốt các “quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức” và xây dựng hệ thống pháp luật “công bằng, không phân biệt đối xử”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Quy định bảo đảm tuyệt đối nguyên tắc không phân biệt đối xử của các FTA, ngăn chặn các rào cản kỹ thuật gây bất lợi cho nhà thầu quốc tế.</p>	
<p>Điều 18, 19. Quy trình chỉ định thầu thông thường: Sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn chiếu áp dụng quy trình tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đối với phần lớn các trường hợp. Chỉ quy định riêng các bước đặc thù như xác định, phê duyệt danh sách nhà thầu. Bổ sung quy trình cụ thể cho trường hợp khối lượng phát sinh và trường</p>	<p>Nghị quyết số 66-NQ/TW: Yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật theo hướng “đơn giản, dễ thực hiện”, “không chồng chéo, mâu thuẫn”. Đề ra mục tiêu “tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc dẫn chiếu pháp luật trong nước giúp quy trình chỉ định thầu thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo văn bản và xử lý được các tình huống phát sinh thực tế,.</p>	

<p>hợp đấu thầu không thành công chuyển sang chỉ định thầu.</p>			
<p>Điều 20. Quy trình chỉ định thầu rút gọn: Cơ bản kế thừa Nghị định 95/2020/NĐ-CP, đồng thời chỉnh sửa các mốc thời gian và trình tự để phù hợp với quy định mới tại Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Nghị quyết số 66-NQ/TW: Nhiệm vụ “triệt để cắt giảm, đơn giản hoá... thủ tục hành chính bất hợp lý”.</p> <p>Nghị quyết số 27-NQ/TW: Yêu cầu hệ thống pháp luật “kịp thời, khả thi, dễ tiếp cận”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Quy trình rút gọn bảo đảm tính cấp bách trong các trường hợp khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh theo đúng tinh thần cải cách thủ tục hành chính của Đảng.</p>	
<p>Điều 21. Xử lý tình huống: Kế thừa các tình huống về ngưỡng giá và cơ quan mua sắm. Bổ sung nguyên tắc xử lý khi cơ quan mua sắm đổi tên, chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển cơ quan quản lý để bảo đảm không đứt gãy thực thi cam kết quốc tế.</p>	<p>Kết luận số 121-KL/TW: Chủ trương “tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.</p> <p>Nghị quyết số 66-NQ/TW: Yêu cầu “bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy”.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Quy định này cụ thể hóa việc duy trì các cam kết FTA trong bối cảnh thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, sáp nhập các Bộ, ngành của Đảng và Nhà nước,.</p>	
<p>Điều 22. Trách nhiệm của các Bộ, ngành: Điều chỉnh phân công nhiệm vụ từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư sang Bộ Tài chính để phù hợp với việc sắp xếp bộ máy mới. Giữ nguyên trách nhiệm chuyên biệt của Bộ Y tế trong đấu thầu thuốc.</p>	<p>Kết luận số 121-KL/TW: Xác định rõ phương án “Hợp nhất các bộ: Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính thành Bộ Tài chính”.</p> <p>Nghị quyết số 59-NQ/TW: Nhân mạnh “Nâng cao năng lực thực thi</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc chuyển giao trách nhiệm sang Bộ Tài chính là sự thể chế hóa trực tiếp Kết luận của Trung ương về việc hợp nhất hai Bộ, bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước về tài chính và đấu thầu,.</p>	

	các cam kết... gắn với đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách”.		
Điều 23. Quy định chuyển tiếp: Quy định rõ lộ trình xử lý đối với các gói thầu đã phê duyệt hoặc đã phát hành hồ sơ trước ngày Nghị định có hiệu lực. Bảo đảm các gói thầu đã mở thầu tiếp tục thực hiện theo quy định cũ để tránh xáo trộn.	Nghị quyết số 27-NQ/TW: Yêu cầu “kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển”. Nghị quyết số 66-NQ/TW: Bảo đảm “hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan”.	Đã thể chế hóa đầy đủ. Quy định chuyển tiếp giúp bảo đảm tính ổn định của hệ thống, không gây đình trệ hoạt động mua sắm công trong giai đoạn giao thoa giữa hai văn bản quy phạm pháp luật,.	
Điều 24. Hiệu lực thi hành: Xác định thời điểm có hiệu lực và bãi bỏ Nghị định số 95/2020/NĐ-CP. Bổ sung nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu đối với các nội dung Nghị định không quy định nhưng không được trái với cam kết Hiệp định.	Nghị quyết số 27-NQ/TW: Yêu cầu “hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế”. Nghị quyết số 66-NQ/TW: Bảo đảm “tính hệ thống”, “không chồng chéo, mâu thuẫn”,.	Đã thể chế hóa đầy đủ. Việc quy định dẫn chiếu áp dụng Luật Đấu thầu bảo đảm tính bao quát của hệ thống pháp luật, đồng thời giữ vững ưu tiên áp dụng các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên,.	

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về hoạt động mua sắm công (hoạt động lựa chọn nhà thầu) đối với gói thầu đáp ứng ngưỡng giá,	Khoản 5 Điều 3 Luật Đấu thầu; Luật Điều ước quốc tế năm 2016.	Về cơ bản phù hợp với khoản 5 Điều 3 Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu theo điều ước quốc tế. Dự thảo đã xác định phạm vi điều chỉnh theo các tiêu chí cam kết của	Chỉnh lý câu chữ để làm rõ tính chất

thuộc cơ quan mua sắm, hàng hóa, dịch vụ, dịch vụ xây dựng trong các Phụ lục I, II, III và không thuộc các trường hợp loại trừ		Hiệp định. Tuy nhiên, cần diễn đạt thật rõ đây là phạm vi điều chỉnh đặc thù đối với gói thầu thuộc phạm vi cam kết quốc tế, tránh cách hiểu mở rộng sang toàn bộ hoạt động đấu thầu quốc tế nói chung.	đặc thù của phạm vi điều chỉnh.
Điều 2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh	Điều 2 Luật Đấu thầu; Luật Điều ước quốc tế năm 2016; các Phụ lục cam kết về cơ quan mua sắm trong CPTPP, EVFTA, UKVFTA.	Về cơ bản thống nhất với phạm vi đối tượng áp dụng của Luật Đấu thầu. Tuy nhiên, do Nghị định này chỉ điều chỉnh các gói thầu thuộc phạm vi cam kết, cần bảo đảm cách diễn đạt không quá rộng, tránh hiểu rằng mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đấu thầu đều đương nhiên thuộc phạm vi áp dụng của Nghị định này.	Chỉnh lý theo hướng xác định rõ các nhóm chủ thể áp dụng trực tiếp và gián tiếp.
Điều 3. Giải thích từ ngữ: Giải thích các thuật ngữ như cơ quan mua sắm, nước thành viên, dịch vụ xây dựng, đấu thầu nội khối, nhà thầu nội khối, mua sắm công..	Điều 4 Luật Đấu thầu; các thuật ngữ trong Chương Mua sắm của Chính phủ của CPTPP, EVFTA, UKVFTA; pháp luật hiện hành về xuất xứ hàng hóa trong trường hợp có sử dụng thuật ngữ liên quan.	Việc giải thích từ ngữ là cần thiết để làm rõ các khái niệm đặc thù phát sinh trong bối cảnh lựa chọn nhà thầu theo Hiệp định. Tuy nhiên, các thuật ngữ đã được giải thích trong Luật Đấu thầu thì không nên định nghĩa lại, trừ trường hợp cần làm rõ nghĩa sử dụng riêng trong Nghị định. Đối với các thuật ngữ mới như “mua sắm công”, “đấu thầu nội khối”, “quy tắc xuất xứ”, cần bảo đảm nội hàm chặt chẽ, thống nhất với ngữ	Rà soát lại toàn bộ nhóm thuật ngữ; chỉ giữ các khái niệm thật sự đặc thù và chỉnh lý các định nghĩa có khả năng gây hiểu nhầm.

		cảnh cam kết quốc tế và không tạo ra cách hiểu khác với pháp luật đấu thầu hiện hành.	
Điều 4. Đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế: Cho phép chủ đầu tư chọn đấu thầu nội khối (giới hạn nhà thầu trong các nước Hiệp định) hoặc đấu thầu quốc tế	Điều 11 Luật Đấu thầu; khoản 5 Điều 3 Luật Đấu thầu; các cam kết về mở cửa thị trường mua sắm của Chính phủ theo CPTPP, EVFTA, UKVFTA.	Đây là nội dung có tính đặc thù cao. Việc dự thảo quy định cơ chế lựa chọn giữa đấu thầu nội khối và đấu thầu quốc tế có thể được xem là biện pháp tổ chức thực hiện cam kết trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, cần làm rõ quan hệ giữa cơ chế này với nguyên tắc đấu thầu quốc tế theo Luật Đấu thầu, đồng thời bảo đảm không làm sai lệch bản chất nghĩa vụ mở cửa thị trường theo điều ước quốc tế. Nếu không quy định đủ rõ, dễ phát sinh cách hiểu tùy nghi trong áp dụng.	Chính lý để làm rõ điều kiện, thứ tự, tiêu chí áp dụng và mối quan hệ với Điều 11 Luật Đấu thầu.
Điều 5. Nguyên tắc chung: Đối xử quốc gia, không phân biệt đối xử, quy tắc xuất xứ và biện pháp ưu đãi trong nước theo lộ trình cam kết	Khoản 5 Điều 3, Điều 6, Điều 44 Luật Đấu thầu; pháp luật về xuất xứ hàng hóa; các nguyên tắc đối xử quốc gia, không phân biệt đối xử, minh bạch trong CPTPP, EVFTA, UKVFTA.	Quy định này về cơ bản phù hợp với các nguyên tắc nền tảng của Luật Đấu thầu và điều ước quốc tế. Tuy nhiên, đối với nội dung về xuất xứ và ưu đãi, cần diễn đạt chặt chẽ để tránh cách hiểu dẫn đến việc đặt ra điều kiện hạn chế cạnh tranh hoặc vượt quá giới hạn cho phép theo cam kết.	Giữ nguyên định hướng; rà soát câu chữ để bảo đảm thống nhất với Luật Đấu thầu và điều ước quốc tế.

<p>Điều 6. Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân phải đáp ứng điều kiện tại Điều 5 Luật Đấu thầu và không bị cấm tham dự thầu ở bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào</p>	<p>Điều 5, Điều 6 Luật Đấu thầu; các quy định có liên quan của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP về tư cách hợp lệ và bảo đảm cạnh tranh.</p>	<p>Dự thảo cơ bản kế thừa pháp luật đấu thầu hiện hành. Tuy nhiên, điều kiện “không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ở bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào” là tiêu chí bổ sung so với Luật Đấu thầu, vì vậy cần rà soát kỹ tính cần thiết, tính khả thi trong áp dụng và cơ sở xác minh trên thực tế để tránh phát sinh điều kiện hạn chế cạnh tranh không cần thiết.</p>	<p>Giữ nguyên định hướng dẫn chiếu Luật Đấu thầu; rà soát thêm tính khả thi của điều kiện bổ sung nêu trên.</p>
<p>Điều 7. Thông tin về đấu thầu: Yêu cầu đăng tải thông tin theo Luật Đấu thầu và bổ sung nội dung tóm tắt bằng tiếng Anh đối với một số thông báo</p>	<p>Điều 7, Điều 8 Luật Đấu thầu; các quy định có liên quan của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; các cam kết của Hiệp định về thông báo mời thầu và công khai thông tin.</p>	<p>Về nguyên tắc thống nhất với Luật Đấu thầu. Việc bổ sung nội dung tóm tắt bằng tiếng Anh đối với một số thông báo là cần thiết để thực hiện cam kết quốc tế về minh bạch và bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin của nhà thầu thuộc các Nước thành viên. Tuy nhiên, cần rà soát kỹ phạm vi thông tin phải tóm tắt bằng tiếng Anh và kỹ thuật đăng tải để bảo đảm khả thi.</p>	<p>Chỉnh lý kỹ thuật dẫn chiếu; làm rõ nội dung nào áp dụng theo pháp luật chung, nội dung nào là yêu cầu đặc thù của Hiệp định.</p>
<p>Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng: Đối với đấu thầu nội khối sử dụng tiếng Việt hoặc tiếng Việt và tiếng Anh; đối với đấu thầu quốc tế sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh</p>	<p>Điều 12 Luật Đấu thầu; các quy định có liên quan của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Về cơ bản phù hợp với Điều 12 Luật Đấu thầu. Quy định này vừa tạo điều kiện tiếp cận cho nhà thầu thuộc các Nước thành viên, vừa bảo đảm khả năng tổ chức thực hiện của chủ đầu tư. Cần rà soát kỹ để thống nhất với biểu mẫu, hồ sơ và nguyên tắc xử</p>	<p>Giữ nguyên; rà soát kỹ để tránh xung đột với các biểu mẫu và quy định hiện hành về hồ sơ mời thầu.</p>

		lý khi có khác nhau giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh.	
Điều 9. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quy định các mốc thời gian tối thiểu theo cam kết Hiệp định; nội dung khác dẫn chiếu Luật Đấu thầu và Nghị định 214	Điều 45 Luật Đấu thầu; Điều 18 và các quy định có liên quan của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; các quy định tương ứng trong Hiệp định.	Các Hiệp định có quy định tương đối chặt chẽ về thời gian tối thiểu để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị hồ sơ. Dự thảo chỉ quy định các mốc đặc thù và về cơ bản phù hợp với cách tiếp cận của Luật Đấu thầu. Tuy nhiên, cần rà soát kỹ từng mốc thời gian, nhất là các trường hợp rút ngắn còn 10 ngày, để bảo đảm có căn cứ rõ và không mâu thuẫn với hệ thống pháp luật đấu thầu hiện hành.	Rà soát chi tiết từng mốc thời gian; chỉnh lý nếu cần để bảo đảm không có khoảng trống hoặc xung đột pháp lý.
Điều 10. Biện pháp ưu đãi trong nước: Quy định các biện pháp ưu đãi trong nước (như yêu cầu về liên danh, chuyển giao công nghệ...) và dẫn chiếu Điều 10 Luật Đấu thầu, các Điều 5 đến 11 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 10 Luật Đấu thầu; các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; các cam kết về ưu đãi, đối xử quốc gia và ngoại lệ chuyển tiếp trong CPTPP, EVFTA, UKVFTA.	Đây là nội dung nhạy cảm do nằm ở giao điểm giữa chính sách hỗ trợ trong nước và nghĩa vụ mở cửa thị trường. Dự thảo đã bám sát Điều 10 Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, đồng thời đặt trong khuôn khổ lộ trình cam kết. Tuy nhiên, cần làm rõ ranh giới giữa “ưu đãi” và “điều kiện hạn chế cạnh tranh”, tránh thiết kế biện pháp có thể bị hiểu là tạo rào cản đối với nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định.	Chỉnh lý để làm rõ loại ưu đãi, phương thức áp dụng và căn cứ pháp lý áp dụng.

<p>Điều 11. Ưu đãi cho hàng hóa, nhà thầu nội khối: Quy định đối tượng được hưởng ưu đãi, nguyên tắc ưu đãi và dẫn chiếu khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP để tính ưu đãi</p>	<p>Điều 10 Luật Đấu thầu; Điều 7 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; các cam kết về lộ trình ưu đãi và biện pháp chuyển tiếp trong Hiệp định.</p>	<p>Quy định này là nội dung đặc thù, có cơ sở từ cơ chế ưu đãi của pháp luật đấu thầu hiện hành và các cam kết quốc tế. Việc dẫn chiếu trực tiếp khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là phù hợp để bảo đảm thống nhất trong cách tính ưu đãi. Tuy nhiên, cần rà soát kỹ đối tượng, điều kiện và cách xác định “chi phí nội khối”, “lao động nội khối” để bảo đảm minh bạch và dễ áp dụng.</p>	<p>Giữ nguyên định hướng; rà soát kỹ hơn cách xác định đối tượng và căn cứ tính ưu đãi.</p>
<p>Điều 12. Đấu thầu rộng rãi: Là hình thức không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự, áp dụng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định, trừ trường hợp chỉ định thầu</p>	<p>Điều 21 Luật Đấu thầu.</p>	<p>Thống nhất với Điều 21 Luật Đấu thầu và phù hợp với nguyên tắc chung của các Hiệp định về open tendering. Nội dung quy định ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với định hướng chỉ quy định nội dung đặc thù, còn lại dẫn chiếu pháp luật chung.</p>	<p>Giữ nguyên.</p>
<p>Điều 13. Chỉ định thầu: Quy định các trường hợp chỉ định thầu, bao gồm các trường hợp gắn với cam kết Hiệp định và một số trường hợp dẫn chiếu từ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</p>	<p>Điều 23 Luật Đấu thầu; Điều 78, Điều 79, Điều 80, Điều 84, Điều 106 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; các trường hợp limited tendering theo Hiệp định.</p>	<p>Dự thảo đã xây dựng các trường hợp chỉ định thầu trên cơ sở kết hợp giữa yêu cầu thực hiện Hiệp định và các trường hợp tương ứng của pháp luật đấu thầu trong nước. Tuy nhiên, cần tách bạch rõ giữa chỉ định thầu theo Luật Đấu thầu với các cơ chế pháp lý khác như đặt hàng; đặc biệt trường hợp điểm g5 khoản 2 Điều 13 có liên hệ trực tiếp với cơ chế đặt hàng theo Điều 106 Nghị</p>	<p>Chỉnh lý phần căn cứ và cách diễn đạt; bảo đảm tách bạch các cơ chế pháp lý có liên quan.</p>

		định số 214/2025/NĐ-CP. Cần tránh cách hiểu đồng nhất các cơ chế có bản chất pháp lý khác nhau.	
Điều 14, 15. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Điều 14 quy định nguyên tắc chung; Điều 15 quy định nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó có cách xác định giá gói thầu và tổng giá trị ước tính tối đa	Điều 39 Luật Đấu thầu; Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Về cơ bản thống nhất với pháp luật đấu thầu hiện hành. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ giữa “giá gói thầu” theo Điều 39 Luật Đấu thầu và “tổng giá trị ước tính tối đa” dùng để xác định gói thầu có thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định hay không. Hai khái niệm này có liên quan nhưng không đồng nhất về mục đích sử dụng. Ngoài ra, việc yêu cầu kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải xác định rõ lựa chọn nhà thầu nội khối hoặc quốc tế là nội dung đặc thù, cần được thể hiện rõ.	Chỉnh lý rõ hơn về thuật ngữ, mục đích sử dụng của từng khái niệm và nội dung đặc thù cần ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
Điều 16. Quy trình chi tiết đối với đấu thầu rộng rãi không qua mạng: Dẫn chiếu áp dụng Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và bổ sung nội dung đặc thù về nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào sản phẩm đổi mới sáng tạo	Điều 21 Luật Đấu thầu; điểm g khoản 1 Điều 10 Luật Đấu thầu; các quy định có liên quan của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP về quy trình đấu thầu rộng rãi.	Cách tiếp cận dẫn chiếu là phù hợp, bảo đảm thống nhất với quy trình đấu thầu rộng rãi của pháp luật hiện hành. Nội dung bổ sung về cá nhân, nhóm cá nhân chào sản phẩm đổi mới sáng tạo có liên hệ với chính sách ưu đãi theo Luật Đấu thầu. Tuy nhiên, cần rà soát kỹ để bảo đảm điều kiện tham gia, đánh giá và lựa chọn đối tượng này thống nhất với hệ thống tiêu chí của pháp luật đấu thầu hiện hành.	Giữ nguyên hướng dẫn chiếu; rà soát kỹ phần nội dung đặc thù về sản phẩm đổi mới sáng tạo.

<p>Điều 17. Lập, thẩm định, phê duyệt HSMT: Dẫn chiếu Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; quy định cấm nêu điều kiện dẫn đến hạn chế cạnh tranh; bổ sung một số nội dung đặc thù về đánh giá và xuất xứ hàng hóa</p>	<p>Điều 44 Luật Đấu thầu; Điều 26, Điều 37 và các quy định có liên quan của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Về cơ bản thống nhất với Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Việc nhấn mạnh yêu cầu không nêu điều kiện dẫn đến hạn chế cạnh tranh hoặc tạo lợi thế cho nhà thầu cụ thể là phù hợp. Tuy nhiên, các quy định về xuất xứ hàng hóa, điều kiện kinh nghiệm, tiêu chuẩn đánh giá đạt/không đạt cần được rà soát kỹ để bảo đảm chỉ cụ thể hóa yêu cầu của Hiệp định, không tạo ra điều kiện hạn chế cạnh tranh mới.</p>	<p>Giữ nguyên định hướng; chỉnh lý để làm rõ hơn mối quan hệ với các quy định cấm trong pháp luật đấu thầu hiện hành.</p>
<p>Điều 18, 19, 20. Quy trình chỉ định thầu: Điều 18 quy định quy trình thông thường trong trường hợp chỉ có một nhà thầu; Điều 19 quy định quy trình thông thường trong trường hợp có nhiều hơn một nhà thầu; Điều 20 quy định quy trình rút gọn, trong đó có trường hợp thực hiện theo phương án đặt hàng</p>	<p>Điều 23 Luật Đấu thầu; Điều 79, Điều 80, Điều 107, Điều 108, Điều 109, Điều 110, Điều 111 và Điều 114 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Về tổng thể, dự thảo bám khá sát cấu trúc của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, do Điều 20 có trường hợp dẫn sang cơ chế đặt hàng, cần làm rõ đây là trường hợp áp dụng theo cơ chế tương ứng của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, không phải mọi trường hợp chỉ định thầu đều đồng nhất với đặt hàng. Ngoài ra, các nội dung về thương thảo, sửa đổi hợp đồng phát sinh và công khai kết quả cần được rà soát để bảo đảm đúng điều khoản được dẫn chiếu.</p>	<p>Chỉnh lý phân dẫn chiếu và cách diễn đạt để tách bạch rõ giữa chỉ định thầu thông thường, chỉ định thầu rút gọn và trường hợp thực hiện theo phương án đặt hàng.</p>
<p>Điều 21. Xử lý tình huống: Quy định một số tình huống đặc thù về dự toán được duyệt sau, không xác định được giá trị ước tính tối đa,</p>	<p>Điều 88 Luật Đấu thầu; Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Quy định này về cơ bản phù hợp với cơ chế xử lý tình huống trong Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, đồng thời bổ sung một số tình huống đặc thù gắn với</p>	<p>Giữ nguyên định hướng; chỉnh lý để làm rõ giới hạn áp</p>

<p>thay đổi cơ quan mua sắm và dẫn chiếu Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</p>		<p>phạm vi cam kết và biến động tổ chức bộ máy. Tuy nhiên, cần bảo đảm các quy định về đổi tên, chia, tách, sáp nhập cơ quan mua sắm chỉ mang tính xử lý áp dụng, không làm thay đổi nội dung cam kết hoặc mở rộng phạm vi cam kết của Hiệp định.</p>	<p>dụng của từng tình huống đặc thù.</p>
<p>Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan: Bộ Tài chính công bố ngưỡng giá, cung cấp thông tin, ban hành mẫu hồ sơ đấu thầu, hướng dẫn thực hiện; Bộ Y tế hướng dẫn đấu thầu thuốc</p>	<p>Điều 84, Điều 85 Luật Đấu thầu; Điều 146 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Về cơ bản phù hợp với phân công quản lý nhà nước về đấu thầu. Tuy nhiên, Điều 146 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định phạm vi trách nhiệm của Bộ Tài chính và Bộ Y tế rộng hơn. Do đó, cần hiểu Điều 22 của dự thảo là quy định trách nhiệm chuyên biệt để tổ chức thực hiện Nghị định này, không thay thế hoặc thu hẹp trách nhiệm chung đã được quy định trong pháp luật đấu thầu hiện hành.</p>	<p>Chỉnh lý để làm rõ đây là trách nhiệm chuyên biệt phục vụ thực hiện Nghị định này; rà soát lại phạm vi nhiệm vụ giao cho từng Bộ để tránh chồng lấn hoặc bỏ sót.</p>
<p>Điều 23. Quy định chuyển tiếp: Xử lý các gói thầu đã phê duyệt, đã phát hành hồ sơ hoặc đã mở thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành</p>	<p>Điều 96 Luật Đấu thầu; Điều 144 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Nghị định số 95/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Quy định chuyển tiếp của dự thảo là cần thiết và về cơ bản phù hợp với nguyên tắc chuyển tiếp của Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, đây là quy định chuyển tiếp riêng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của CPTPP, EVFTA, UKVFTA, nên cần làm rõ từng mốc: đã phê duyệt nhưng chưa phát hành; đã phát hành nhưng chưa mở thầu; đã mở</p>	<p>Chỉnh lý rõ hơn các mốc chuyển tiếp và phạm vi áp dụng của từng trường hợp; rà soát kỹ cách dẫn chiếu áp dụng Nghị định</p>

		thầu trước ngày Nghị định mới có hiệu lực. Đồng thời cần rà soát kỹ cách dẫn chiếu tiếp tục áp dụng Nghị định số 95/2020/NĐ-CP đối với các trường hợp tương ứng.	số 95/2020/NĐ-CP.
Điều 24. Hiệu lực thi hành: Quy định hiệu lực thi hành của Nghị định, nguyên tắc dẫn chiếu áp dụng Luật Đấu thầu đối với nội dung không quy định trong Nghị định và việc thay thế Nghị định số 95/2020/NĐ-CP	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 145 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Nghị định số 95/2020/NĐ-CP.	Về nguyên tắc, việc quy định các nội dung không nêu trong Nghị định thì thực hiện theo Luật Đấu thầu và văn bản hướng dẫn có liên quan là phù hợp với kỹ thuật xây dựng văn bản theo hướng chỉ quy định nội dung đặc thù. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 24 hiện chưa chốt ngày có hiệu lực, nên chưa thể kết luận đầy đủ về tính phù hợp của mốc hiệu lực thi hành. Khoản 3 về thay thế Nghị định số 95/2020/NĐ-CP là cần thiết để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.	Rà soát, hoàn thiện quy định về ngày có hiệu lực thi hành theo đúng pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; giữ nguyên nguyên tắc thay thế Nghị định số 95/2020/NĐ-CP.
Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Bộ Tài chính (thay thế Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũ tại Phụ lục I, khoản 3.1, điểm b).	Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.	Cần cập nhật toàn bộ đầu mối và đơn vị trực thuộc theo cơ cấu hiện hành của Bộ Tài chính; không còn phù hợp nếu tiếp tục giữ tên “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” trong phụ lục. Việc thay thế phải bảo đảm phản ánh đúng đơn vị kế thừa chức năng, nhiệm vụ và tư cách cơ quan mua sắm.	Thay tên Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng Bộ Tài chính; rà soát, cập nhật các đơn vị tương ứng thuộc Bộ Tài chính như Cục Quản lý đấu thầu, Cục Đầu tư nước ngoài và các

			đơn vị kế thừa chức năng liên quan.
Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Bộ Nội vụ (thay thế Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũ tại Phụ lục I, khoản 3.1, điểm c).	Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.	Cần cập nhật theo cơ cấu mới của Bộ Nội vụ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội không còn tồn tại với tư cách đầu mối độc lập. Việc giữ tên cũ trong phụ lục sẽ không còn phù hợp với tổ chức bộ máy hiện hành.	Chuyển và cập nhật tên các đơn vị có liên quan từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sang Bộ Nội vụ, như các đơn vị về người có công, việc làm, an toàn lao động và các đơn vị kế thừa chức năng tương ứng.
Chuyển các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông sang Bộ Khoa học và Công nghệ (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm h; Phụ lục II, khoản 3.1, điểm c).	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02/03/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Không nên tiếp tục sử dụng tên “Bộ Thông tin và Truyền thông” trong phụ lục. Cần cập nhật các cơ quan mua sắm, đơn vị trực thuộc theo đầu mối Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm thống nhất với cơ cấu tổ chức mới.	Đối chiếu, chuyển và cập nhật các đơn vị tương ứng như Cục Chuyển đổi số quốc gia, Cục Viễn thông và các đơn vị kế thừa chức năng từ Bộ Thông tin và

			Truyền thông sang khối Bộ Khoa học và Công nghệ.
Cập nhật cơ cấu tổ chức mới của Bộ Khoa học và Công nghệ (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm đ; Phụ lục II, khoản 3.1, điểm a).	Nghị định số 55/2025/NĐ-CP; Quyết định số 913/QĐ-BKHCN ngày 19/5/2025 về kiện toàn các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Cơ quan điều hành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.	Tên bộ giữ nguyên nhưng cơ cấu đơn vị trực thuộc có thay đổi sau sắp xếp. Do đó cần rà soát lại tên các cơ quan mua sắm, nhất là nhóm đơn vị thuộc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, để phản ánh đúng mô hình tổ chức hiện hành.	Rà soát, cập nhật tên đơn vị theo cơ cấu mới của Bộ Khoa học và Công nghệ; riêng các đơn vị thuộc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia cần thể hiện theo mô hình đã được kiện toàn.
Cập nhật danh mục thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thay thế Bộ Tài nguyên và Môi trường cũ tại Phụ lục I, khoản 3.1, điểm n).	Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Không nên tiếp tục dùng tên “Bộ Tài nguyên và Môi trường” trong phụ lục. Cần cập nhật theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và rà soát các đơn vị trực thuộc cũ để chuyển sang tên gọi hiện hành của đơn vị kế thừa chức năng, nhiệm vụ tương ứng.	Thay tên Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; chuyển các đơn vị cũ như Cục Biến đổi khí hậu, Cục Môi trường và các đơn vị liên quan

			sang đầu mỗi kế thừa phù hợp.
Cập nhật danh mục thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thay thế Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũ tại Phụ lục I, khoản 3.1, điểm s).	Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.	Cần cập nhật theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đối chiếu lại toàn bộ các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc khối nông nghiệp để phản ánh đúng cơ cấu tổ chức sau hợp nhất hai bộ.	Điều chỉnh tên gọi các đơn vị chuyên môn như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và các đơn vị kế thừa khác cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Thay đổi Ủy ban Dân tộc thành Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đồng thời xử lý Ban Tôn giáo Chính phủ (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm r; Phụ lục I, khoản 3.1, điểm p – phần Ban Tôn giáo Chính phủ).	Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 sửa đổi khoản	Cần cập nhật theo hướng thay “Ủy ban Dân tộc” bằng “Bộ Dân tộc và Tôn giáo”; đồng thời không tiếp tục để “Ban Tôn giáo Chính phủ” trong khối Bộ Nội vụ. Đây là điểm dễ bị sót nếu chỉ cập nhật tên cơ quan cấp bộ mà không rà lại các đơn vị trực thuộc.	Thay “Ủy ban Dân tộc” bằng “Bộ Dân tộc và Tôn giáo”; chuyển “Ban Tôn giáo Chính phủ” sang vị trí phù hợp trong cơ cấu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

	12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP.		
Chuyển đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải sang Bộ Xây dựng (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm g và điểm t).	Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.	Cần cập nhật theo hướng hợp nhất đầu mối về Bộ Xây dựng hiện hành. Danh mục đơn vị trực thuộc của Bộ Giao thông vận tải trước đây phải được đối chiếu, chuyển sang tên gọi hoặc đầu mối tương ứng thuộc Bộ Xây dựng mới.	Chuyển giao và cập nhật tên các cơ quan mua sắm như các cục quản lý về đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không, đăng kiểm và các đơn vị kế thừa khác sang đầu mối quản lý của Bộ Xây dựng.
Cập nhật vị trí pháp lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm i).	Quyết định số 3179/QĐ-BTC ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thuộc Bộ Tài chính.	Cần cập nhật cách thể hiện theo vị trí pháp lý mới của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thuộc Bộ Tài chính; không nên tiếp tục giữ cách ghi như một cơ quan độc lập ngoài Bộ Tài chính. Đồng thời cần rà soát lại tên các đơn vị trực thuộc theo quy định hiện hành.	Cập nhật cách thể hiện Bảo hiểm xã hội Việt Nam thuộc Bộ Tài chính; sửa tên các ban, đơn vị nội bộ theo cơ cấu tổ chức mới.

<p>Cập nhật cơ cấu tổ chức mới của Bộ Nội vụ (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm p).</p>	<p>Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ.</p>	<p>Tên bộ giữ nguyên nhưng cơ cấu tổ chức và phạm vi đơn vị trực thuộc có thay đổi sau sắp xếp. Cần loại hoặc chỉnh các đơn vị không còn thuộc Bộ Nội vụ, đặc biệt là Ban Tôn giáo Chính phủ.</p>	<p>Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Bộ Nội vụ; loại bỏ hoặc chỉnh lại các đơn vị không còn thuộc bộ này sau sắp xếp.</p>
<p>Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm q; Phụ lục II, khoản 2.1, điểm đ).</p>	<p>Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao.</p>	<p>Tên bộ không thay đổi nhưng danh mục đơn vị trực thuộc cần được cập nhật để khớp với cơ cấu hiện hành. Việc giữ nguyên danh mục cũ có thể dẫn đến sai tên đơn vị trong phụ lục.</p>	<p>Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Bộ Ngoại giao, bảo đảm dùng đúng tên gọi hiện hành của các vụ, cục, đơn vị có liên quan.</p>
<p>Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Bộ Tư pháp (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm a).</p>	<p>Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.</p>	<p>Mặc dù tên Bộ Tư pháp không thay đổi, nhưng cơ cấu cục, vụ và đơn vị trực thuộc có điều chỉnh. Do đó vẫn cần rà soát, cập nhật để tránh giữ lại tên đơn vị không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức hiện hành.</p>	<p>Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Bộ Tư pháp theo nghị định tổ chức bộ máy mới.</p>

Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Bộ Y tế (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm m).	Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.	Tên Bộ Y tế cơ bản giữ nguyên, nhưng cần rà soát lại các đơn vị trực thuộc để cập nhật theo cơ cấu hiện hành, nhất là các đơn vị mới tiếp nhận hoặc đổi tên sau sắp xếp.	Điều chỉnh danh mục cơ quan mua sắm của Bộ Y tế để phản ánh đúng các đơn vị hiện hành.
Rà soát danh mục các bệnh viện trung ương (Phụ lục I, khoản 3.2, điểm đ).	Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ.	Về cơ bản tên các bệnh viện trung ương có thể giữ nguyên nếu không có thay đổi pháp lý riêng về tên gọi. Tuy nhiên, cần rà soát lại từng đơn vị để bảo đảm tính chính xác và phù hợp với vị trí pháp lý hiện hành dưới sự quản lý của Bộ Y tế.	Giữ nguyên danh sách hiện có nếu không có quyết định đổi tên riêng biệt; cập nhật ngay đối với các đơn vị có thay đổi pháp lý về tên gọi.
Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm d; Phụ lục II, khoản 2.1, điểm c).	Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; Quyết định số 2996/QĐ-BVHTTDL về Cục Công tác phía Nam.	Tên bộ giữ nguyên, nhưng cần rà soát lại các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu hiện hành. Trường hợp các đơn vị đã đổi tên, nâng cấp hoặc kiện toàn thì cần cập nhật theo đúng tên pháp lý hiện hành.	Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; rà soát kỹ các đơn vị đặc thù như Cục Công tác phía Nam.
Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Thông tấn xã Việt Nam (Phụ lục I,	Nghị định số 27/2025/NĐ-CP ngày	Tên cơ quan giữ nguyên nhưng cần cập nhật các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức	Cập nhật danh sách đơn vị hiện

khoản 3.2, điểm a; Phụ lục III, khoản 2.2, điểm a).	24/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam.	hiện hành; các đơn vị đã đổi tên, hợp nhất hoặc tổ chức lại phải được phản ánh đúng trong phụ lục.	hành của Thông tấn xã Việt Nam.
Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Phụ lục I, khoản 3.2, điểm b; Phụ lục III, khoản 2.2, điểm b).	Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.	Tên cơ quan giữ nguyên, nhưng cần rà soát lại toàn bộ đơn vị trực thuộc theo tổ chức bộ máy mới của Học viện để cập nhật phụ lục cho đúng tên gọi hiện hành.	Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, bảo đảm dùng đúng tên các viện, vụ, ban chuyên môn.
Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Phụ lục I, khoản 3.2, điểm c; Phụ lục III, khoản 2.2, điểm c).	Nghị định số 32/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ.	Tên viện giữ nguyên, nhưng cần rà soát lại danh mục các viện, trung tâm, nhà xuất bản, học viện và ban chức năng trực thuộc theo cơ cấu tổ chức hiện hành.	Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Phụ lục I, khoản 3.2, điểm d; Phụ lục III, khoản 2.2, điểm d).	Nghị định số 38/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ.	Tên viện giữ nguyên, nhưng cần rà soát lại các viện nghiên cứu, trung tâm, nhà xuất bản và văn phòng trực thuộc để cập nhật theo tên gọi hiện hành.	Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

<p>Cập nhật tên các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (Phụ lục III, khoản 2.1, điểm a).</p>	<p>Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn.</p>	<p>Đây là thay đổi quan trọng ở cấp địa phương do việc hợp nhất, tổ chức lại các sở. Nếu tiếp tục giữ tên cũ của các sở trong phụ lục thì sẽ không phản ánh đúng cơ cấu hiện hành của cơ quan mua sắm thuộc thành phố Hà Nội.</p>	<p>Thay đổi tên các sở, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong phụ lục theo danh sách hiện hành.</p>
<p>Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm k).</p>	<p>Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20/5/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ.</p>	<p>Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ đã thay đổi đáng kể. Do đó, danh mục đơn vị trực thuộc trong phụ lục cần được rà soát, cập nhật theo mô hình tổ chức hiện hành.</p>	<p>Thay đổi tên các đơn vị trực thuộc của Thanh tra Chính phủ theo cơ cấu tổ chức mới, bảo đảm dùng đúng tên cục, ban, đơn vị hiện hành.</p>
<p>Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Bộ Công Thương (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm l).</p>	<p>Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.</p>	<p>Tên bộ giữ nguyên nhưng một số đơn vị được tổ chức lại hoặc thành lập mới. Do đó cần rà soát danh mục cơ quan mua sắm để phản ánh đúng cơ cấu tổ chức hiện hành.</p>	<p>Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Bộ Công Thương.</p>

Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phụ lục I, khoản 3.1, điểm o).	Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Tên bộ giữ nguyên nhưng các đơn vị hành chính trực thuộc đã có sự điều chỉnh nhất định. Cần cập nhật phụ lục để bảo đảm dùng đúng tên đơn vị hiện hành.	Cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Cập nhật tên các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Phụ lục III, khoản 2.1, điểm b).	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP và các quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của Thành phố Hồ Chí Minh.	Tương tự Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có thay đổi ở cấp sở, ngành do sắp xếp, tổ chức lại bộ máy. Việc rà soát, cập nhật tên cơ quan mua sắm là cần thiết để bảo đảm phụ lục phản ánh đúng đầu mối hiện hành.	Cập nhật danh sách sở, cơ quan chuyên môn hiện hành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
Rà soát danh mục các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) (Phụ lục III, khoản 2.2, điểm đ).	Các quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động của EVN; các văn bản pháp lý có liên quan được rà soát tại thời điểm hoàn thiện phụ lục.	Cần rà soát lại tên các tổng công ty, đơn vị trực thuộc EVN để bảo đảm thống nhất với tư cách pháp lý và mô hình tổ chức hiện hành. Trường hợp tên pháp lý không thay đổi thì có thể giữ nguyên, nhưng vẫn cần kiểm tra để tránh bỏ sót việc tổ chức lại đơn vị.	Rà soát, cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của EVN; giữ nguyên đối với các đơn vị không thay đổi tên pháp lý.
Cập nhật danh mục đơn vị thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR) (Phụ lục III, khoản 2.2, điểm e).	Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu	Cần rà soát xem tên pháp lý và mô hình tổ chức của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có thay đổi sau quá trình cơ cấu lại hay không. Nếu tên pháp lý hiện hành không	Rà soát, cập nhật danh sách đơn vị hiện hành của Tổng công ty

	lại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025.	thay đổi thì có thể giữ nguyên; nếu có thay đổi thì phải cập nhật theo tên pháp lý mới.	Đường sắt Việt Nam theo kết quả cơ cấu lại.
		Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới của các cơ quan, đơn vị sau khi kết thúc quá trình sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước	

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (chính sách/dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, xác định gói thầu thuộc phạm vi cam kết	CPTPP: Điều 15.2; Phụ lục 15-A. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.2; Phụ lục 9-B.	Dự thảo tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan; tiếp tục nội luật hóa các tiêu chí xác định gói thầu thuộc phạm vi cam kết trên cơ sở ngưỡng áp dụng, danh mục cơ quan mua sắm, hàng hóa, dịch vụ, dịch vụ xây dựng và các trường hợp loại trừ.	Tiếp tục rà soát, chỉnh lý kỹ thuật thể hiện để bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác phạm vi cam kết của Việt Nam trong 03 Hiệp định.
Nguyên tắc đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử	CPTPP: Điều 15.4. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.4.	Dự thảo tương thích; bảo đảm nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ của các nước thành viên trong phạm vi cam kết.	Giữ như dự thảo.

Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong gói thầu thuộc phạm vi cam kết	CPTPP: Điều 15.4.5. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.4.8.	Dự thảo tương thích; việc xác định xuất xứ hàng hóa phải phù hợp với quy định về xuất xứ áp dụng trong thương mại thông thường đối với hàng hóa đó.	Giữ như dự thảo.
Tư cách hợp lệ của nhà thầu	CPTPP: Điều 15.8. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.7.	Dự thảo tương thích; đảm bảo nhà thầu đáp ứng các yêu cầu về pháp lý, kỹ thuật và tài chính để thực hiện gói thầu.	
Biện pháp ưu đãi trong nước theo lộ trình cam kết	CPTPP: Điều 15.5; Phụ lục 15A. EVFTA, UKVFTA: Phụ lục 9-B.	Dự thảo tương thích; tiếp tục nội luật hóa các biện pháp ưu đãi trong nước trong phạm vi, mức độ và thời hạn mà Việt Nam được phép áp dụng theo cam kết.	Tiếp tục rà soát để bảo đảm biện pháp ưu đãi không vượt quá phạm vi, thời hạn và đối tượng mà các Hiệp định cho phép.
Đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế	CPTPP: Điều 15.4. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.4. Bảo đảm nhà thầu thuộc các nước thành viên được tiếp cận gói thầu thuộc phạm vi cam kết trên cơ sở đối xử quốc gia, không phân biệt đối xử.	Dự thảo cần được thể hiện theo hướng vừa bảo đảm mở cửa thị trường theo cam kết, vừa xử lý rõ các vướng mắc thực tiễn phát sinh từ Nghị định số 95/2020/NĐ-CP hiện hành.	Chỉnh lý quy định để tránh cách hiểu “đấu thầu nội khối là thủ tục bắt buộc trước khi đấu thầu quốc tế”, bảo đảm không làm phát sinh rào cản vượt quá cam kết.

Các trường hợp chỉ định thầu	CPTPP: Điều 15.10. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.14.	Dự thảo tương thích có điều kiện; chỉ tương thích nếu các trường hợp chỉ định thầu được quy định không rộng hơn các trường hợp Hiệp định cho phép.	Tiếp tục rà soát, đối chiếu từng trường hợp chỉ định thầu trong dự thảo với các quy định của các Hiệp định.
Công khai thông tin, thông báo mời thầu, ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu	CPTPP: Điều 15.6, 15.7. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.5, 9.6.	Dự thảo tương thích; bảo đảm công khai thông tin đấu thầu và tạo khả năng tiếp cận thông tin cho nhà thầu thuộc phạm vi cam kết.	Rà soát để bảo đảm các quy định về đăng tải, ngôn ngữ và thông báo mời thầu phản ánh đầy đủ yêu cầu của Hiệp định.
Tiêu chuẩn kỹ thuật, nội dung hồ sơ mời thầu	CPTPP: Điều 15.11, 15.12. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.9, 9.12.	Dự thảo tương thích; cụ thể hóa quy định của Hiệp định và dẫn chiếu tới các quy định tương đương tại Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Rà soát để bảo đảm các quy định đầy đủ yêu cầu của Hiệp định.
Thời gian trong đấu thầu	CPTPP: Điều 15.14. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.12.	Dự thảo tương thích; việc dẫn chiếu pháp luật đấu thầu trong nước không thấp hơn mức tối thiểu mà Hiệp định yêu cầu.	Tiếp tục rà soát các mốc thời gian cụ thể trong dự thảo và trong văn bản được dẫn chiếu để bảo đảm phù hợp với cam kết quốc tế.
Sử dụng phương tiện điện tử, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	CPTPP: Điều 15.4.8, 15.4.9. EVFTA, UKVFTA: Điều 9.4.6, 9.4.7.	Dự thảo tương thích; phù hợp với xu hướng tổ chức mua sắm bằng phương	Giữ như dự thảo; tiếp tục rà soát thống nhất với pháp

		tiện điện tử và công khai hóa thông tin theo cam kết.	luật đấu thầu hiện hành và hạ tầng kỹ thuật thực tế.
Danh mục cơ quan mua sắm, hàng hóa, dịch vụ, dịch vụ xây dựng thuộc phạm vi cam kết	CPTPP: Phụ lục 15-A . EVFTA, UKVFTA: Phụ lục 9-B.	Dự thảo tương thích; việc cập nhật danh mục cần bảo đảm phản ánh đúng cơ quan kế thừa, cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng không làm thay đổi bản chất phạm vi cam kết của Việt Nam.	Rà soát kỹ phụ lục danh mục để bảo đảm việc cập nhật tên gọi, cơ cấu tổ chức phù hợp với tình hình thực tế.